

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 948/TTr-SXD ngày 29/4/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo tổ chức triển khai thực hiện Quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045 kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên Môi trường, Kế

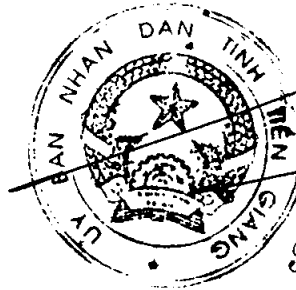
hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo; Thủ trưởng các Sở, ngành chức năng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *luj*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT;
- VP: PVP N.H.Đức;
- Lưu: VT, KTTC(Khương).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *Am*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Am
Phạm Anh Tuấn

**QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG
HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG ĐẾN NĂM 2030
VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1138/QĐ-UBND ngày 05/5/2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này hướng dẫn việc quản lý, phát triển, quy hoạch các đô thị, nông thôn, các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đến năm đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 20/4/2020.

2. Quy định này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện việc quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng, cải tạo chỉnh trang đô thị trên địa bàn huyện Chợ Gạo, đảm bảo theo đúng đồ án đã được phê duyệt.

3. Quy định này là cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý kiến trúc, quy hoạch, xây dựng của tỉnh, của huyện Chợ Gạo quản lý đầu tư xây dựng và làm căn cứ để xác lập nhiệm vụ và nội dung quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn các khu vực trong huyện.

Điều 2. Nguyên tắc lập Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045

Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 được lập trên cơ sở đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045 được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang phê duyệt tại Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 và tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/6/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

**Chương II
QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG
HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG ĐẾN NĂM 2030
VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045**

Điều 3. Phạm vi ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý

1. Phạm vi ranh giới

Khu vực lập quy hoạch xây dựng vùng gồm toàn bộ ranh giới huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, có diện tích khoảng 23.089,6 ha (230,896 km²), giới hạn xác định như sau:

- Phía Đông: Giáp huyện Gò Công Tây.
- Phía Tây: Giáp thành phố Mỹ Tho và huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.
- Phía Nam: Giáp sông Tiền.
- Phía Bắc: Giáp huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

2. Quy mô dân số

- Quy mô dân số hiện trạng khoảng 187.711 người.
- Đến năm 2030: Dân số toàn huyện dự kiến 245.000 người, trong đó đô thị khoảng 58.000 người; nông thôn khoảng 187.000 người; đạt mật độ dân số khoảng 1.065 người/km².

- Đến năm 2045: dân số dự kiến 280.000 người; trong đó dân số đô thị khoảng 66.000 người, nông thôn khoảng 214.000 người, đạt mật độ dân số khoảng 1.200 người/km².

3. Phạm vi đất đai vùng quản lý

Gồm toàn bộ ranh giới huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, có diện tích khoảng 23.089,6 ha (230,896 km²). Trong đó có thị trấn Chợ Gạo, đô thị Bến Tranh và 17 xã gồm: Phú Kiết, Mỹ Tịnh An, Hòa Tịnh, Trung Hòa, Tân Bình Thạnh, Thanh Bình, Song Bình, Long Bình Điền, Đăng Hưng Phước, Tân Thuận Bình, Quơn Long, Bình Phục Nhứt, Bình Phan, An Thạnh Thủy, Bình Ninh, Hòa Định, Xuân Đông.

Điều 4. Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế

1. Quy định đối với vùng, không gian phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

1.1. Định hướng vùng, không gian phát triển công nghiệp địa bàn huyện phù hợp với Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định 2149/QĐ-UBND ngày 11/07/2017 và quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Tiền Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang phê duyệt tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 24/12/2013.

1.2. Vùng phát triển công nghiệp hỗ trợ - tiểu thủ công nghiệp phía Bắc: tại xã Phú Kiết phát triển công nghiệp hỗ trợ - tiểu thủ công nghiệp (tại vị trí giáp ranh phía Bắc đô thị Bến Tranh) theo hướng chế biến sản phẩm công nghiệp, nông sản, dịch vụ kho bãi và vận tải nông sản, quy mô 50 ha chia thành 2 giai đoạn thực hiện (giai đoạn 1: 20 ha, giai đoạn 2: 30 ha).

1.3. Vùng phát triển công nghiệp phía Nam: 01 cụm công nghiệp 66 ha tại các xã ven sông Tiền, chia thành 2 giai đoạn thực hiện (giai đoạn 1: 36 ha, giai đoạn 2: 30 ha). 01 cụm công nghiệp 50 ha tại xã Bình Ninh, chia thành 2 giai

đoạn thực hiện (giai đoạn 1: 20 ha, giai đoạn 2: 30 ha). Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp ít gây ô nhiễm môi trường.

2. Quy định đối với vùng, không gian phát triển nông nghiệp

2.1. Định hướng vùng, không gian phát triển nông nghiệp địa bàn huyện phù hợp với Đề án Tái cơ cấu Ngành Nông nghiệp Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 3320/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.2. Vùng, không gian phát triển nông nghiệp trên nghiệp trên địa bàn huyện gồm: Phát triển loại hình nuôi trồng thủy sản (nuôi thâm canh cá tra, cá diêu hồng,...) khu vực ngoài đê sông Tiền tại các xã Xuân Đông, Hòa Định.

Hình thành các vùng nông nghiệp theo quy hoạch; tối ưu hóa và chuyên canh một số loại cây có hiệu quả kinh tế cao, trước mắt tập trung tại các xã Tân Bình Thạnh, Thanh Bình, Đăng Hưng Phước, Song Bình, Long Bình Điền, Tân Thuận Bình, Quơn Long, Xuân Đông, Hòa Định. Nông nghiệp kết hợp với du lịch, phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh thái phục vụ du lịch. Sản phẩm chủ lực như: thanh long có 6.805 ha phân bố đều trên 15 xã, cây bưởi có 1.000 ha sản xuất tập trung ở 02 xã Long Bình Điền và Song Bình, cây dứa 6.576 ha trồng xen kẽ thêm cây hoa màu,... rau củ quả chất lượng cao có 2.500 ha tập trung tại các xã thuộc hệ Bảo Định. Các sản phẩm chăn nuôi tập trung: heo, bò, gia cầm,...

3. Quy định đối với vùng, không gian phát triển thương mại - dịch vụ và du lịch

3.1. Vùng, không gian phát triển thương mại - dịch vụ:

Quy hoạch hệ thống kho bãi, chợ đầu mối nông sản có quy mô lớn tại xã Long Bình Điền (phát huy thế mạnh kết nối kênh Chợ Gạo với sông Tiền, thành phố Mỹ Tho) và một số bến, cảng quy mô vừa và nhỏ tại xã Tân Thuận Bình, Quơn Long, Bình Phan, Bình Phục Nhứt nhằm tăng khả năng lưu chuyển hàng hóa.

Định hướng nâng cấp, sửa chữa, mở rộng hoặc xây mới, nhằm đảm bảo việc giao lưu hàng hóa được thuận lợi, thông suốt và thúc đẩy phát triển thương mại - dịch vụ trên địa bàn. Thu hút đầu tư phát triển các loại hình thương mại hiện đại như: trung tâm thương mại, siêu thị,...

Ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ định hướng phát triển chủ đạo như: dịch vụ vận tải, tài chính ngân hàng, bưu chính viễn thông,... góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của huyện, vừa là các ngành khai thác sử dụng ít tài nguyên khoáng sản; vừa là các ngành ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học công nghệ.

3.2. Vùng, không gian phát triển du lịch

Phát huy giá trị du lịch sinh thái vườn thái gắn với vùng sông nước, hình thành vùng phát triển du lịch sinh thái xã Xuân Đông gắn với sông nước kênh Chợ Gạo và sông Tiền. Kết nối với các tuyến du lịch của tỉnh để phát huy các điểm có lợi thế về du lịch của huyện, ưu tiên đầu tư bảo tồn và phát triển du lịch

ở các điểm di tích cấp quốc gia. Đầu tư cải tạo di tích cấp tỉnh để thu hút hoạt động tham quan du lịch của người dân và du khách nước ngoài.

Điều 5. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn

1. Quy định về quản lý hệ thống đô thị

1.1. Định hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn huyện phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Tiền Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 24/12/2013. Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 28/01/2015.

1.2. Thị trấn Chợ Gạo là thị trấn huyện lỵ của huyện Chợ Gạo, dân số đến năm 2030 khoảng 40.000 người, đến năm 2045 khoảng 45.000 người. Diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 304,8ha. Thị trấn Chợ Gạo sẽ mở rộng đạt quy mô đô thị loại IV vào năm 2030.

1.3. Đô thị Bến Tranh là trung tâm kinh tế, văn hóa xã hội, giáo dục và đầu mối giao thông vùng phía Tây Bắc của huyện Chợ Gạo, dân số đến năm 2020 khoảng 18.000 người, đến năm 2045 khoảng 21.000 người. Diện tích đất xây dựng đô thị đến năm 2030 khoảng 180 ha và đến năm 2045 khoảng 300 ha.

2. Quy định về quản lý hệ thống nông thôn

2.1. Quản lý và xây dựng các xã nông thôn theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về “Nông nghiệp, nông dân và nông thôn” với mục tiêu “Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ, đời sống nhân dân ổn định và phát triển”.

2.2. Giai đoạn đến cuối năm 2020: Hoàn thành quá trình xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn huyện, hoàn thiện và nâng cao các tiêu chí đối với xã nông thôn mới, lựa chọn các xã có điều kiện thuận lợi để triển khai thí điểm xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu; Giai đoạn 2021 - 2025 triển khai rộng rãi mô hình xã nông thôn mới kiểu mẫu, phấn đấu đến năm 2025 đưa huyện Chợ Gạo trở thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu.

Điều 6. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng

1. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội mang tính chất vùng, liên vùng

1.1. Hệ thống công trình hành chính

- Các cơ quan hành chính của huyện và các xã, thị trấn tiếp tục duy trì hoạt động tại các khu vực hiện tại.

- Nâng cấp một số trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo kế hoạch được phân bổ hàng năm.

- Định hướng đến năm 2045, đầu tư xây dựng mới trụ sở Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện.

- Tiến hành xây dựng nâng cấp các trung tâm cụm xã (trung tâm tiêu vùng) theo kế hoạch được đề ra để làm động lực phát triển vùng.

- Trong giai đoạn phát triển trở thành đô thị loại IV nâng cấp, mở rộng cụm công trình hành chính huyện và các trụ sở cơ quan cấp huyện.

- Đầu tư xây dựng công trình phát triển khu trung tâm hành chính tập trung tại xã Lương Hòa Lạc để tiến hành nâng cấp đạt đô thị loại V (hướng đến thị trấn Bến Tranh sau năm 2030).

- Việc đầu tư xây dựng các công trình trụ sở cơ quan, khu trung tâm hành chính tập trung cần tuân thủ theo quy hoạch chung của từng khu vực cụ thể (*quy hoạch chung đô thị, quy hoạch nông thôn mới các xã*).

1.2. Hệ thống công trình giáo dục

- Các trường trung học phổ thông đảm bảo bán kính phục vụ được tính toán theo 3 cụm xã đảm bảo phục vụ cho quy mô dân số 20.000 - 35.000 người (2 - 3 đơn vị xã/thị trấn).

- Xây dựng mới thêm 03 trường Trung học phổ thông (trường cấp 3), kết hợp với 04 trường Trung học phổ thông và 01 Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên hiện có, đảm bảo quy mô phục vụ 180.000 người đến năm 2045. Theo đó, định hướng hệ thống công trình giáo dục cấp huyện gồm có:

+ Trường THPT Chợ Gạo (tại thị trấn Chợ Gạo);

+ Trường THPT Trần Văn Hoài (tại thị trấn Chợ Gạo);

+ Trường THPT Thủ Khoa Huân (tại xã Mỹ Tịnh An);

+ Trường THPT Bình Phục Nhứt (tại xã Bình Phục Nhứt);

+ Trường THPT Bình Ninh (tại xã Bình Ninh - xây mới cụm xã phía Nam).

+ Trường THPT Lương Hòa Lạc (tại xã Lương Hòa Lạc - xây mới cụm xã phía Tây Bắc).

+ Trường THPT Đặng Hưng Phước (tại xã Đặng Hưng Phước - xây dựng mới cụm xã Trung tâm).

+ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (tại xã Tân Thuận Bình).

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo đạt chuẩn về giáo dục quốc gia về phòng học, các phòng chức năng, công trình phụ trợ, đầu tư trang thiết bị phục vụ dạy và học.

1.3. Hệ thống công trình y tế

- Duy trì hoạt động của hệ thống công trình y tế hiện nay (mỗi xã, thị trấn có 01 trạm y tế) đảm bảo phục vụ quy mô toàn huyện.

- Đầu tư, nâng cấp Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn hạng 3 theo các quy định hiện hành và các tiêu chuẩn ngành có liên quan.

- Xã hội hóa các phòng khám đa khoa tại các trung tâm cụm xã để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cũng như làm động lực phát triển kinh tế xã hội.

- Xây dựng công trình y tế mới khu vực xã Lương Hòa Lạc để phát triển thành đô thị loại V là trung tâm, động lực phát triển tiểu vùng phía Tây Bắc huyện.

1.4. Hệ thống công trình hạ tầng văn hóa - thể dục thể thao cấp vùng

- Hệ thống các công trình trung tâm văn hóa và thể dục thể thao chủ yếu chỉ được bố trí ở trung tâm các xã và trung tâm thị trấn nhưng đầu tư vẫn chưa hoàn chỉnh. Do đó, cần định hướng phát triển các khu vực bố trí công trình văn hóa kết hợp với thể dục thể thao đảm bảo theo quy định sau 2030.

- Các công trình văn hóa, thể dục thể thao cấp khu vực bố trí ở trung tâm xã, có thể kết hợp với các công viên cây xanh và các công trình vui chơi giải trí cho thiếu nhi... được đầu tư xây dựng mới theo định hướng quy hoạch nông thôn mới các xã và định hướng quy hoạch vùng.

- Hệ thống các trung tâm văn hóa xã có thể kết hợp xây dựng cùng với phòng truyền thống, thư viện hội trường để đảm bảo theo các quy định quy chuẩn hiện hành.

1.5. Hệ thống công trình thương mại dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

- Duy trì hoạt động các chợ xã, thị trấn và có kế hoạch nâng cấp các chợ phục vụ cho nhu cầu buôn bán của người dân trong vùng huyện Chợ Gạo.

- Xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi,... tại các trung tâm cụm xã, đô thị Bến Tranh (xã Lương Hòa Lạc) và thị trấn Chợ Gạo theo định hướng quy hoạch sử dụng đất.

- Ưu tiên phát triển công nghiệp dọc theo sông Tiền tại khu vực cụm xã phía Nam trong đó: cụm công nghiệp Chợ Gạo 66 ha; cụm công nghiệp Bình Ninh 50 ha. Ngoài ra, phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ - tiểu thủ công nghiệp 50 ha thuộc xã Phú Kiết, tại vị trí giáp ranh đô thị Bến Tranh về phía Bắc.

2. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng

2.1. Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng

Chỉ giới xây dựng các tuyến đường trong khu đô thị Bến Tranh và thị trấn Chợ Gạo sẽ được quy định cụ thể trong các đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết, tuân theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2019/BXD.

2.2. Giao thông

Giao thông liên vùng: các tuyến Quốc Lộ, Đường tỉnh, Đường huyện phải có tính kết nối liên vùng.

Giao thông đô thị: các trục chính đô thị có tính chất làm điểm nhấn đô thị, liên kết các phân khu chức năng. Việc lựa chọn vị trí xây dựng phải gắn kết với khu vực ưu tiên phát triển hoặc phát triển có tính động lực.

Giao thông nông thôn: đảm bảo lộ giới và đặc tính kỹ thuật theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn lựa

chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

2.3. Bến bãi

- Bến thủy nội địa và bến khách ngang sông: duy trì hoạt động các bến hiện hữu; có kế hoạch cải tạo, đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng các bến đảm bảo an toàn kỹ thuật và mỹ quan. Trang bị cứu hộ, cứu nạn trên sông, quy trình hoạt động an toàn và vệ sinh môi trường bến.

- Bến xe: không quy hoạch hệ thống bến bãi mới, tiếp tục sử dụng và có kế hoạch chỉnh trang bến xe Chợ Gạo hiện hữu, phù hợp với nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hóa hiện tại.

2.4. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

- Quản lý cao độ xây dựng (Hxd) $\geq +2,45\text{m}$, đảm bảo theo định hướng tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 24/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đề án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Tiền Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đồng thời đảm bảo thích nghi với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng và bảo vệ hệ thống đê kè, đối với những vùng xung yếu, cần có biện pháp xây kè, đắp đập, bảo vệ đê kè.

- Xây đập, ngăn dòng hoặc xây dựng những công trình hỗ trợ cho công tác điều tiết dòng chảy của sông, kênh để hạn chế những tác hại của dòng chảy.

- Thực hiện những biện pháp mang tính bền vững như trồng cây bảo vệ bờ sông rạch, các loại cây sông tốt và giữ đất tốt như: dừa nước, xú, vẹt, cần, đước,...

2.5. Công trình xử lý nước cấp

- Đánh giá chất lượng nguồn nước thô trước khi đưa vào xử lý.

- Các quy định về vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/09/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

- Hệ thống cấp nước phải bảo đảm tiêu chuẩn về cung cấp nước đảm bảo nước được cung cấp phải là nước sạch đã qua xử lý.

2.6. Công trình xử lý nước thải, chất thải rắn và nghĩa trang

Công trình xử lý nước thải:

- Khu vực đô thị: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng giữa nước thải và nước mưa. Nước thải sau khi xử lý đạt giá trị C, cột B, QCVN 14: 2008/BTNMT.

- Nước thải công nghiệp: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng giữa nước thải và nước mưa. Nước thải được dẫn về trạm xử lý, mỗi cụm công nghiệp đều xây dựng trạm xử lý riêng. Nước thải sau khi xử lý đạt giá trị C, cột B, QCVN 40: 2011/BTNMT.

- Khu vực nông thôn: Sử dụng hệ thống thoát nước chung cho tất cả các trung tâm xã và điểm dân cư. Xây dựng các tuyến cống thoát nước trên các trục đường chính dẫn nước ra kênh rạch gần nhất. Tại khu vực trung tâm xã, khuyến khích xây dựng bể xử lý nước thải cục bộ tùy theo năng lực tài chính của địa phương. Bể xử lý nước thải thu gom lượng nước đáy tại giếng tách dòng cuối tuyến cống chung.

- Đầu tư các dự án thoát nước tại các đô thị, thị tứ, xây dựng trạm xử lý nước thải hợp vệ sinh,... đảm bảo nhu cầu thoát nước cũng như bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện Chợ Gạo.

- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường phải phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và góp phần bảo vệ môi trường sinh thái trên địa bàn huyện Chợ Gạo.

- Thùng thu, chứa rác trên các tuyến đường phải được bố trí hợp lý, đồng bộ, đảm bảo mỹ quan, có kích thước, kiểu dáng thích hợp, sử dụng thuận tiện và dễ nhận biết.

- Bể tự hoại: Xây dựng đúng quy cách: chứa, lắng, lọc,... và phải đủ dung tích để xử lý chất thải cho từng hộ gia đình, phải có chất thống thấm đảm bảo không để chất ô nhiễm ảnh hưởng đến môi trường.

- Đối với trạm xử lý nước thải: phải có dải cách ly an toàn và thường xuyên quan trắc chất lượng môi trường nước và không khí.

- Nghiêm cấm các hành vi đầu nối vào hệ thống cấp thoát nước mà không có sự cho phép của các cơ quan chức năng.

- Nghiêm cấm mọi trường hợp cho nước thải sinh hoạt thoát trực tiếp xuống hệ thống kênh rạch, nếu phát hiện sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

- Trạm trung chuyển chất thải rắn: phải đảm bảo các yêu cầu về phòng chống cháy, nổ; thu gom và xử lý nước thải; khử mùi.

- Công trình nghĩa trang: phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu. Khoảng cách an toàn về môi trường phải tuân thủ quy định tại QCVN 01:2019/BXD.

2.7. Trạm biến áp

- Nguồn điện cung cấp cho huyện Chợ Gạo chủ yếu từ nguồn điện lưới quốc gia trạm biến áp 110/22kV 2x40MVA Chợ Gạo (lâu dài nâng cấp lên 2x63MVA), TBA 110/22kV Tân Hương, TBA 110/22kV Mỹ Tho, TBA 110/22kV Gò Công Tây.

- Xây mới trạm 110kV 2x63MVA Thanh Bình (nâng cấp đến năm 2035) và nhánh rẽ đầu nối vào đường dây 110kV Mỹ Tho 2 - Gò Công - Cần Đước. Xây dựng trạm 110kV Thanh Bình nhằm đáp ứng nhu cầu phụ tải trồng thanh long đang tăng rất nhanh trong thời gian tới trên địa bàn huyện Chợ Gạo và liên kết cấp điện một phần của thành phố Mỹ Tho.

2.8. Lưới điện

- Xây dựng mới tuyến cao thế 110kV cung cấp nguồn điện cho TBA 110/22kV Thanh Bình.

- Các tuyến trục trung thế được thiết kế theo tiêu chí N-1 để đảm bảo độ tin cậy cấp điện.

- Ngâm hóa các khu vực trọng điểm trên địa bàn huyện: phát triển cáp ngầm trong các khu đô thị mới nhằm đảm bảo mỹ quan. Từng bước ngâm hóa hệ thống đường dây nổi 22kV hiện có tại các tuyến đường quan trọng.

Điều 7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường

1. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông

1.1 Đối với đường bộ:

- Đảm bảo hành lang bảo vệ các tuyến đường theo quy định của Luật Giao thông đường bộ; Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2016/NĐ-CP; Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và các quy định hiện hành.

- Hệ thống giao thông nông thôn: phải được kiểm soát chặt chẽ trong quá trình đầu tư xây dựng theo QCVN 01:2019/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Không được xây dựng trên đất hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật.

1.2 Đối với đường thủy:

Nội dung và phạm vi bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa và hành lang bảo vệ luồng quy định trong Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014.

2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp nước

2.1. Lựa chọn nguồn nước mặt cung cấp nước thô chủ yếu cho các nhà máy nước, nguồn nước mặt khai thác phải đảm bảo theo Tiêu chuẩn xây dựng TCXD 233:1999 Các chỉ tiêu lựa chọn nguồn nước mặt - nước ngầm phục vụ hệ thống cấp nước sinh hoạt. Chất lượng nước sinh hoạt phải bảo đảm yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch

sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

2.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước tuân thủ Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-1:2016/BXD - Công trình cấp nước.

2.3. Quy định về vùng bảo vệ nhà máy, trạm cấp nước: Phải xây dựng tường rào bảo vệ bao quanh khu vực xử lý nước trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý. Bên trong tường rào này không được xây dựng nhà ở, công trình vui chơi sinh hoạt, vệ sinh, không được bón phân cho cây trồng và không được chăn nuôi súc vật. Khu vực bảo vệ đường ống cấp nước tối thiểu là 0,5m và đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa các công trình hạ tầng kỹ thuật khác theo QCVN 01:2008.

3. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước

3.1. Tổ chức mạng lưới thoát nước mưa phù hợp với điều kiện địa hình của khu vực đảm bảo nguyên tắc tự chảy kết hợp với bơm động lực cho khu vực trong đê. Hệ thống thoát nước được chia thành nhiều nhánh nhỏ để thoát ra các sông, rạch gần nhất; Trong các khu, cụm công nghiệp có nguy cơ phát thải các chất nguy hại, hệ thống thoát nước phải có bộ phận tách các thành phần nguy hại trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của toàn khu vực quy hoạch.

3.2. Quản lý xây dựng hệ thống thoát nước mưa: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng, hoàn chỉnh ở tất cả các khu vực xây dựng mới. Những khu vực đã có hệ thống thoát nước chung, không có khả năng cải tạo thành thoát nước riêng sẽ xây dựng giếng tách, cống bao tại cuối các tuyến cống chính trước các miệng xả, đưa về trạm xử lý tập trung trước khi xả ra môi trường.

3.3. Đối với hệ thống thoát nước cải tạo tùy theo tình hình thực tế tận dụng tối đa hiệu quả của các công trình hiện có. Quản lý vị trí đầu nối của dự án vào tuyến cống chính của đô thị. Nếu tuyến cống chính chưa xây dựng thì đơn vị cấp phép cần chỉ ra vị trí xả hoặc đầu nối tạm thời và chủ dự án phải nộp đủ chi phí cho đơn vị quản lý thoát nước đô thị để khi có tuyến cống chính đơn vị này sẽ xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.

3.4. Mở rộng phạm vi phục vụ của các hệ thống thoát nước tiến tới đạt 100% đảm bảo thông thoáng các trục tiêu chính đi qua đô thị.

3.5. Quản lý chặt chẽ công tác xây dựng các cụm công trình đầu mối: Hồ điều hòa, trục kênh dẫn, cống qua đê, trạm bơm. Công suất các trạm bơm có thể phù hợp với từng giai đoạn, song cần phải xây dựng trục kênh dẫn và hồ điều hòa theo quy hoạch vừa để giữ đất vừa để chứa nước.

3.6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước tuân thủ Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-2:2016/BXD - Công trình thoát nước.

3.7. Hành lang bảo vệ các công trình thủy lợi: Thực hiện theo Pháp lệnh số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/04/2001 về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Luật Đê điều năm 2006.

4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện

4.1. Tuân thủ theo Luật Điện lực năm 2004; Luật sửa đổi bổ sung một số

điều của Luật Điện lực năm 2012; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

4.2. Phát triển hệ thống cấp điện phải có khả năng đáp ứng nhu cầu trước mắt và đảm bảo dự phòng phát triển cho tương lai, đặc biệt là quỹ đất xây dựng công trình điện; Lưới điện trung thế, hạ thế trong phạm vi đô thị phải được từng bước hạ ngầm.

4.3. Quy định về hành lang bảo vệ an toàn lưới điện tuân thủ theo Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực và an toàn điện.

4.4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-5:2016/BXD - Công trình cấp điện.

4.5. Công trình cấp điện đảm bảo đạt thông số kỹ thuật an toàn theo quy định tại Quyết định số 5131/QĐ-BCT ngày 30/12/2016 của Bộ Công Thương.

5. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin liên lạc

Thực hiện quản lý phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin theo quy định tại QCVN 07-8:2016/BXD- Công trình viễn thông và QCVN 33:2011/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình xử lý rác thải

6.1. Quản lý chất thải rắn tuân thủ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về việc quản lý chất thải và phế liệu.

6.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-9:2016/BXD - Công trình quản lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng.

7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang

7.1. Quản lý hệ thống nghĩa trang tuân thủ theo các quy định hiện hành của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang.

7.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-10:2016/BXD - Công trình nghĩa trang và QCVN 01:2019/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

8. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thủy lợi, đê điều

Quản lý hành lang bảo vệ, hành lang công trình thủy lợi, đê điều theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 8. Quy định về bảo vệ môi trường.

1. Quy định về bảo vệ môi trường tuân thủ: Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác

động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

2. Các dự án nằm trong danh mục thuộc Phụ lục II Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về Quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường được triển khai trên địa bàn cần phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và phải được cấp có thẩm quyền thẩm định.

3. Khu vực đô thị: Bảo vệ cảnh quan, cải thiện giao thông đô thị; Cải tạo cảnh quan khu vực ven sông, giảm nhẹ tác động do thay đổi sử dụng đất, nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo việc làm, tái định cư, kiểm soát ô nhiễm môi trường đô thị và công nghiệp. Kiểm soát ô nhiễm, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

4. Khu vực nông thôn: Hạn chế tác động của biến đổi khí hậu, kiểm soát ô nhiễm, giảm nhẹ tác động do tái định cư, thay đổi sử dụng đất, tạo việc làm. Trong quá trình đề xuất các định hướng quy hoạch, đồ án cần thống nhất với các giải pháp bảo vệ môi trường nhằm giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường bức xúc hiện nay bằng các biện pháp kỹ thuật bảo vệ môi trường.

Điều 9. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu du lịch, khu di tích lịch sử, văn hóa trong vùng

- Phát triển các khu du lịch văn hóa kết hợp với tôn giáo, tín ngưỡng.
- Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên dọc sông Tiên, sông Bảo Định và các kênh Chợ Gạo, kênh Tham Thu trong khu vực.
- Bảo tồn các khu di tích - văn hóa: khu di tích khảo cổ Gò Thành, Đền thờ Anh hùng dân tộc Nguyễn Hữu Huân. Một số công trình văn hóa lịch sử gắn liền với đời sống văn hóa của người dân Chợ Gạo như: chùa Bà Kết, Mộ Anh hùng dân tộc Âu Dương Lân.

- Các quy định chung: Thực hiện quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của các khu di tích theo Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Phân công quản lý thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai, quản lý việc thực hiện Quy định này.

2. Các Sở, Ban ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng và tham gia vào hoạt động quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện Chợ Gạo phải thực hiện theo Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh các vấn đề mới phải báo cáo Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan xem xét, đề xuất cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật và đồ án quy hoạch xây dựng vùng đã được phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có trách nhiệm giám sát việc phát triển đô thị, nông thôn theo đúng quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt và có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm với Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng.

4. Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo căn cứ vào quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt để tổ chức lập các quy hoạch chung đô thị và trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

5. Các cơ quan, đơn vị liên quan các cấp có trách nhiệm công khai, công bố, lưu giữ hồ sơ quy hoạch, cung cấp thông tin liên quan đến quy hoạch khi có tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định.

Điều 11. Quy định về khen thưởng, xử phạt

1. Các tổ chức, cá nhân đều phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi không cung cấp thông tin quy hoạch, cố tình cung cấp sai thông tin quy hoạch, quản lý xây dựng không theo quy hoạch, xây dựng các dự án trái với quy hoạch. Thanh tra xây dựng phối hợp các cơ quan có liên quan theo phân cấp quản lý có trách nhiệm kiểm tra mọi hoạt động xây dựng trên địa bàn do mình quản lý và báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền các hành vi liên quan đến các hoạt động xây dựng trái với quy hoạch được phê duyệt, Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định xử phạt đối với các vi phạm trong phạm vi thẩm quyền của mình.

2. Khuyến khích và có hình thức khen thưởng phù hợp đối với các tổ chức cá nhân thực hiện nghiêm túc các hoạt động về quản lý và đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch, phát hiện và tố giác kịp thời các hành vi cố ý làm trái quy hoạch. / ml

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *MLC*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

